

廣亞學校財團法人育達科技大學
Tập đoàn giáo dục Quảng Á Đại Học KHKT Dục Đạt
時尚造型設計系新南向產學合作國際專班
學生實習要點

Những lưu ý cho sinh viên thực tập
Lớp chuyên ban Tân Hướng Nam Hệ vừa học vừa làm
Khoa Thiết kế tạo hình thời trang

中華民國 113 年 03 月 13 日 112 學年度第 2 學期第 1 次系務會議通過
Thông qua Hội nghị Khoa lần 1 học kỳ 2 năm học 112 Trung Hoa Dân Quốc ngày 13/03/2024
中華民國 113 年 05 月 22 日 112 學年度第 2 學期第 3 次系務會議通過
Thông qua Hội nghị Khoa lần 3 học kỳ 2 năm học 112 Trung Hoa Dân Quốc ngày 22/05/2024
中華民國 114 年 04 月 02 日 113 學年度第 2 學期第 3 次系務會議通過
Thông qua Hội nghị Khoa lần 3 học kỳ 2 năm học 113 Trung Hoa Dân Quốc ngày 02/04/2025

- 一、為提升本系學生專業設計實務能力，落實學以致用之目的，依本校「育達科技大學學生實習辦法」之規定，特訂定廣亞學校財團法人育達科技大學時尚造型設計系新南向產學合作國際專班學生實習要點(以下簡稱本要點)。

Để nâng cao khả năng thực hành thiết kế chuyên nghiệp của sinh viên khoa này và thực hiện mục đích áp dụng những gì đã học, theo quy định trong “Quy chế thực tập sinh viên Đại học KHKT Dục Đạt” của trường chúng tôi, Khoa Thiết kế tạo hình Thời trang Tập đoàn giáo dục Quảng Á Đại Học KHKT Dục Đạt đã đặc biệt thiết lập những quy định cần thiết cho sinh viên thực tập lớp chuyên ban Tân Hướng Nam hệ vừa học vừa làm (phía dưới viết tắt là những lưu ý).

- 二、本系新南向產學合作國際專班實習課程規劃分為：「企業實習(一)、企業實習(二)、企業實習(三)」，為各 6 學分之專業必修課程，課程定於二上、三上、三下各一學期實施。「企業實習(四)、企業實習(五)、企業實習(六)」，為各 6 學分之專業選修課程，課程定於三下、四上、四下各一學期實施。(113 以後入學生適用)

Chương trình thực tập của lớp chuyên ban Tân Hướng Nam hệ vừa học vừa làm được chia thành: "Thực tập doanh nghiệp (I), Thực tập doanh nghiệp (II), Thực tập doanh nghiệp (III)", là môn chuyên ngành bắt buộc, mỗi môn 6 tín chỉ, thực hiện vào mỗi học kỳ năm hai học kỳ 1 và năm ba học kỳ 1 và học kỳ 2. “Thực tập doanh nghiệp (4), Thực tập doanh nghiệp (5) và Thực tập doanh nghiệp (6)” là môn chuyên ngành tự chọn, mỗi môn có 6 tín chỉ, thực tập vào mỗi học kỳ năm ba học kỳ 1 và năm bốn học kỳ 1 và học kỳ 2. (Áp dụng cho sinh viên nhập học từ sau năm 113)

- 三、實習總時數規定如下：「企業實習(一)、企業實習(二)、企業實習(三)」課程：實習總時數至少需達每學期 432 小時以上，方可抵免「企業實習(一)、企業實習(二)、企業實習(三)」共 18 學分。

Tổng số giờ thực tập được quy định như sau: môn học “Thực tập doanh nghiệp (I), Thực tập doanh nghiệp (II), Thực tập doanh nghiệp (III)”: tổng số giờ thực tập tối thiểu là 432 giờ mỗi học kỳ. Tổng cộng 18 tín chỉ của “Thực tập doanh nghiệp (I), Thực tập doanh nghiệp (II), Thực tập doanh nghiệp (III)” có thể được thế trừ.

- 四、校外實習機構係指經合法立案，具美容美體、美髮、婚禮、醫美、服裝、飾品、商品製作或其他相關工作業務之公民營企業及法人機構。

Các đơn vị thực tập ngoài trường là các doanh nghiệp tư nhân và pháp nhân đã được đăng ký hợp pháp trong các lĩnh vực chăm sóc sắc đẹp và cơ thể, làm tóc, hôn lễ, y học thẩm mỹ, quần áo, phụ kiện, trang sức, sản xuất sản phẩm hoặc các công việc liên quan khác.

- 五、申請校外實習之學生，需填具「校外實習學生同意切結書」、「校外實習機構同意書」及「學生個別實習計畫書」，並於前一學期課程結束前提出申請。

Sinh viên đăng ký thực tập ngoài trường phải điền vào "Cam kết chấp thuận của sinh viên thực tập ngoài trường", "Mẫu chấp thuận của các đơn vị thực tập ngoài trường" và "Kế hoạch thực tập cá nhân của sinh viên" và nộp đơn trước khi kết thúc thời gian học tập của học kỳ trước.

- 六、實習指導老師係由本系專任教師擔任。主要工作項目為實習內容之監督及執行，並不定期赴學生實習機構訪視學生。

Người hướng dẫn thực tập phải là giáo viên chuyên môn của khoa. Nội dung công việc chính là giám sát, thực hiện nội dung thực tập và thăm hỏi sinh viên tại các đơn vị thực tập sinh viên theo định kỳ.

- 七、辦理簽訂校外實習合約時應注意下列事項：

Khi ký hợp đồng thực tập ngoài trường, bạn cần lưu ý những vấn đề sau:

- (一) 為保障參與校外實習課程之國際產學專班學生權益，相關簽訂實習合約以「校外實習三方合約」為主，應明訂訓練項目（含課程及相對應能力培育目標，且實習課程規劃應符合該院、系、科、學位學程之專業發展及教學目標）、訓練期限、膳宿負擔、生活津貼、相關教學、結業學分、契約生效與解除之條件及其他有關雙方權利、義務事項，由實習機構、主辦院系及實習學生當事人三方分執之；未經校外實習主管單位同意，不得使用其他樣式合約。

Để bảo vệ quyền và lợi ích của sinh viên quốc tế hệ vừa học vừa làm tham gia các môn thực tập ngoài trường, việc ký kết các điều lệ liên quan đến hợp đồng thực tập phải chủ yếu dựa trên "Hợp đồng ba bên thực tập ngoài trường" và các dự án đào tạo (bao gồm các khóa học và mục tiêu phát triển năng lực tương ứng cũng như việc lập kế hoạch khóa học thực tập phải phù hợp với mục tiêu giảng dạy và phát triển chuyên môn của trường, khoa, môn học và chương trình cấp bằng), thời gian đào

tạo, chi phí ăn và ở, trợ cấp sinh hoạt, và các vấn đề liên quan đến giảng dạy, tín chỉ tốt nghiệp, điều kiện hiệu lực và chấm dứt hợp đồng cũng như các vấn đề khác liên quan đến quyền và nghĩa vụ của cả hai bên sẽ được cơ quan thực tập, bộ phận tiếp nhận và sinh viên thực tập xử lý riêng biệt; Chưa có sự đồng ý của người giám sát thực tập, không được sử dụng các hợp đồng khác.

- (二) 契約內應明訂各系與實習機構間就校外實習之辦理，不得有實務訓練所需費用以外之報酬、回饋金或佣金予對方之約定。

Hợp đồng phải quy định rõ ràng rằng giữa mỗi khoa và đơn vị thực tập về việc xử lý các đợt thực tập ngoài trường, không được có thỏa thuận cung cấp thù lao hoặc hoa hồng nào cho đối phương ngoài các khoản phí được yêu cầu để đào tạo thực tế.

- (三) 「學校、學生與廠商的三方實習合約」與「學生與廠商的雙方工讀合約」必須明確區隔，不得將工讀合約併入實習合約中。

Phải phân biệt rõ ràng "hợp đồng thực tập ba bên giữa nhà trường, sinh viên và đơn vị thực tập" và "hợp đồng làm thêm song phương giữa sinh viên và đơn vị làm thêm" và không được sáp nhập hợp đồng làm thêm vào hợp đồng thực tập.

- (四) 廠商所提供實習津貼及工讀薪資應分類入帳，不得逕以一筆薪資總數名義匯入學生帳戶。

Khoản trợ cấp thực tập và lương làm thêm do đơn vị thực tập cung cấp phải được phân ra để chuyển khoản và không được gộp lại chuyển trực tiếp vào tài khoản sinh viên dưới danh nghĩa tổng lương.

八、學生進行實務實習課程應注意事項：

Những điều sinh viên cần lưu ý khi thực hiện các khóa thực tập:

- (一) 參與實習之學生，須參加本系舉辦之「實習說明會」。

Sinh viên tham gia thực tập phải tham dự “Buổi giới thiệu đơn vị thực tập” do khoa tổ chức.

- (二) 校外實習機構一經確認，無特殊理由不得任意自行更換。

Một khi đơn vị thực tập ngoài trường đã được xác nhận, thì không thể tùy ý thay đổi mà không có lý do đặc biệt.

- (三) 本系學生在校四年的修業期間，須於大學二年級的第一學期開始規劃安排大學二至四年級至校外實習之相關事宜，以達到理論與實務相輔相成的目的。實習課程以實習當學期期間為原則。

Trong thời gian học bốn năm, sinh viên khoa này phải bắt đầu lập kế hoạch và sắp xếp các vấn đề liên quan đến thực tập ngoài trường từ năm thứ hai đến năm thứ tư đại học trong học kỳ đầu tiên của năm thứ hai, để đạt được mục đích bổ sung lý thuyết và thực hành. Các khóa thực tập được thực hiện trong học kỳ thực tập.

- (四) 學生參與校外實習時，所隸屬系所應主動提出實習名單，於課程實施前由主管單位為參與學生投保「大專院校校外實習學生-團體意外險」，相關經費、預

算得由教育部補助條款或學校配合款、自籌款中支出。

Khi sinh viên tham gia thực tập ngoài trường, khoa chủ động nộp danh sách thực tập ngoài trường của sinh viên và đơn vị phụ trách sẽ đóng bảo hiểm cho sinh viên tham gia thực tập “Bảo hiểm tai nạn dành cho sinh viên thực tập ngoài trường cao đẳng, đại học” trước khi thực hiện khóa học. Các kinh phí liên quan có thể được chi tiêu từ các khoản trợ cấp của Bộ Giáo dục hoặc các quỹ phù hợp với trường học hoặc các khoản kêu gọi tài trợ.

- (五) 實習期間應遵守實習機構之指導。如有違反實習機構規定、中途離退或怠忽職責者，則該次實習時數將不予採認。此外如有嚴重影響校譽，或違法事情發生，則依其情節報請學校依校規予以處分。

Trong thời gian thực tập phải tuân theo hướng dẫn của đơn vị thực tập. Nếu có bất kỳ vi phạm quy định của đơn vị thực tập, nghỉ thực tập giữa chừng hoặc lơ là trách nhiệm thì số giờ thực tập sẽ không được công nhận. Ngoài ra, nếu uy tín của nhà trường bị ảnh hưởng nghiêm trọng, hoặc xảy ra các hoạt động vi phạm pháp luật sẽ báo cáo nhà trường để xử lý kỷ luật theo quy định của nhà trường.

- (六) 參與實習學生須撰寫實習心得報告。若有登載不實且經查證屬實者，實習時數將不予承認。

Sinh viên tham gia thực tập phải viết báo cáo thực tập. Nếu bất kỳ thông tin tài liệu nào trong báo cáo mà được xác minh là sai lệch thì số giờ thực tập sẽ không được công nhận.

- (七) 在實習過程中，若有任何問題，應立即向實習指導老師報告。

Trong quá trình thực tập, nếu có vấn đề gì cần báo ngay cho người hướng dẫn thực tập.

- (八) 學生於實習期間一切費用(含膳、食、旅、雜費等)，除實習機構合約內註給付提供之福利外，其餘均由學生自行負擔。

Tất cả các chi phí mà sinh viên phải chịu trong thời gian thực tập (bao gồm ăn, ở, đi lại, các chi phí linh tinh, v.v.), ngoại trừ các phúc lợi do đơn vị thực tập cung cấp như đã nêu trong hợp đồng, đều do sinh viên tự chịu.

- 九、校外實習成績之評定：由實習輔導老師及實習機構評定，實習成績總分 100 分，未達 60 分不及格。

Đánh giá kết quả thực tập ngoài trường: do giáo viên phụ đạo thực tập và đơn vị thực tập đánh giá. Tổng điểm thực tập là 100 điểm, nếu điểm không đạt 60 điểm thì sinh viên sẽ trượt môn.

- (一) 實習機構工作考核評分佔 40%。

Điểm đánh giá của đơn vị thực tập chiếm 40%.

- (二) 實習輔導老師考核評分佔 60%(含實習訪視、實習月誌、實習報告書)。

Điểm đánh giá của giáo viên phụ đạo thực tập chiếm 60% (bao gồm các chuyến đi

thăm hỏi nơi thực tập, nhật ký thực tập hàng tháng và báo cáo thực tập).

十、學生實習被實習機構辭退

Sinh viên thực tập bị đơn vị thực tập sa thải

下列異常行為屢勸不聽或經輔導後未改善者，實習機構得知會本系予以辭退，同時將其異常行為具體事實，以書面資料傳真學校，以便通知輔導老師予以輔導。Nếu hành vi bất thường sau đây sau nhiều lần khuyên bảo không cải thiện, đơn vị thực tập sẽ thông báo lên Khoa và sa thải. Đồng thời, thông tin cụ thể về hành vi bất thường sẽ được gửi đến nhà trường bằng văn bản để giáo viên phụ đạo có thể nắm rõ mà tiến hành phụ đạo.

(一) 實習期間連續或累計三天(含)曠職者。

Những sinh viên vắng mặt ba ngày liên tục hoặc cộng dồn (bao gồm) trong thời gian thực tập.

(二) 帶火種及香煙進工作場所者。

Sinh viên mang lửa, thuốc lá vào nơi làm việc.

(三) 怠工、睡覺、工作欠積極屢勸不聽者。

Những sinh viên lười biếng trong công việc, ngủ quên hoặc không tích cực trong công việc và không chịu nghe lời khuyên nhiều lần.

(四) 個性任性、學習態度不佳或不服教導者。

Những sinh viên có tính cách cố chấp, thái độ học tập kém hoặc không nghe theo hướng dẫn của người giảng dạy.

(五) 未遵守安全衛生規定，擅自操作機具造成財物重大損失者。

Sinh viên không tuân thủ các quy định về an toàn, sức khỏe và vận hành máy móc trái phép, gây thiệt hại nặng nề về tài sản.

(六) 擅自在外兼差或從事傳銷工作者。

Sinh viên tự ý ra ngoài làm thêm hoặc làm việc theo mô hình bán hàng đa cấp.

(七) 其他嚴重違反學校或實習機構規定者。

Sinh viên có các hành vi vi phạm nghiêm trọng khác đối với các quy định của trường hoặc đơn vị thực tập.

十一、個人因素申請轉換實習部門之處理

Xử lý hồ sơ chuyển bộ phận thực tập xuất phát từ lý do cá nhân sinh viên

(一) 個人因素：第十條所列原因被辭退、家庭因素、健康因素、個人興趣、處事理念、適應不佳、不告而別、擅自辭職、無法配合公司作息、學生專業能力不足公司給予調整適當工作而學生不願從事者...等。

Yếu tố cá nhân: sa thải vì lý do nêu tại Điều 10, yếu tố gia đình, yếu tố sức khỏe, sở thích cá nhân, nguyên tắc làm việc, thích ứng kém, ra đi không lời từ biệt, tự ý xin nghỉ việc, không thể phối hợp với lịch trình của công ty, sinh

viên thiếu năng lực chuyên môn công ty điều chỉnh công việc phù hợp nhưng sinh viên không muốn hợp tác...v.v.

- (二) 學生欲離退須事先告知輔導老師，並自行開發實習機會(實習機構須提前一學期簽訂產學合作意向書)，經輔導老師審核通過後，填報「學生實習轉換實習機構申請表」陳准後才可離職並轉換至新實習機構繼續參加實習。學生自行離退未告知輔導老師者，該階段不予核計實習成績，待畢業前補修，學校視情節記過處分。

Sinh viên muốn nghỉ thực tập phải thông báo trước cho giáo viên phụ đạo của mình và tự mình tìm cơ hội thực tập (Các cơ sở thực tập phải ký Giấy xác nhận ý định hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp trước một học kỳ), sau khi được giáo viên phụ đạo xem xét và chấp thuận, họ có thể điền vào "Đơn xin chuyển đổi đơn vị thực tập", được chấp thuận mới được xin nghỉ và chuyển đến đơn vị mới để tiếp tục thực tập. Nếu sinh viên tự ý nghỉ thực tập mà không thông báo cho giáo viên phụ đạo thực tập thì kết quả thực tập của sinh viên đó sẽ không được tính ở giai đoạn này và phải học lại trước khi tốt nghiệp. Nhà trường sẽ xem xét tình tiết nặng nhẹ để ghi nhận mức kỷ luật.

- (三) 個人因素離退且未符合轉換實習公司手續，或一階段缺勤時間達 1/3 者（即四週），學校視情節記過處分。

Đối với những người xin nghỉ thực tập vì lý do cá nhân và không tuân thủ thủ tục chuyển đổi đơn vị thực tập hoặc thời gian vắng mặt đạt đến 1/3 giai đoạn đầu (tức là bốn tuần), nhà trường sẽ xem xét tình tiết nặng nhẹ để ghi nhận mức kỷ luật.

- (四) 實習分配造冊完畢，編訂實習輔導手冊後不得再更換實習部門，否則第一階段成績不予核計。

Sau khi hoàn thành danh sách thực tập và biên soạn sổ tay hướng dẫn thực tập, không được phép thay đổi đơn vị thực tập, nếu không sẽ không tính điểm thành tích giai đoạn đầu.

十二、 公司因素申請轉換實習部門之處理

Xử lý hồ sơ xin chuyển đơn vị thực tập nguyên nhân từ phía đơn vị thực tập

- (一) 公司因素：業務緊縮人力精減、工作環境或工作內容危險性高、工作層次過低不適合學生實習又無法改善、工作時間不合理之超時又不給加班費影響健康、學生專業能力不足而公司又無法調整適當工作、拒簽實習合約...等。

Các nguyên nhân của công ty: kinh doanh thu hẹp và cắt giảm nhân lực, rủi ro cao về môi trường làm việc hoặc nội dung công việc, trình độ công việc thấp không phù hợp với sinh viên thực tập và không thể cải thiện, giờ làm việc không hợp lý và làm thêm giờ mà không được trả lương làm thêm giờ, ảnh

hưởng đến sức khỏe và năng lực chuyên môn của sinh viên còn thiếu và công ty không điều chỉnh được công việc phù hợp, từ chối ký hợp đồng thực tập,...

- (二) 輔導老師於學生離退後兩週內協助另尋實習機會，經輔導老師審核通過後，填報「學生實習轉換實習公司申請表」陳准後繼續參加實習。 Giáo viên phụ đạo thực tập sẽ giúp sinh viên tìm cơ hội thực tập khác trong vòng hai tuần sau khi sinh viên nghỉ việc. Sau khi được giáo viên xem xét và chấp thuận, sinh viên sẽ điền vào "Đơn xin chuyển đổi thực tập sinh sang đơn vị thực tập" và tiếp tục tham gia thực tập.

- 十三、 若因公司因素、實習資格規定、學生個人特殊狀況或不可抗拒之因素，而無法參與企業實習(一)、企業實習(二)、企業實習(三)課程者，須填妥「免修實習課程申請表」得經本系實習輔導委員會審議通過後，以選修校內其他課程替代之。

Nếu bạn không thể tham gia các khóa học Thực tập doanh nghiệp (I), Thực tập doanh nghiệp (II) và Thực tập doanh nghiệp (III) do yếu tố công ty, yêu cầu về trình độ thực tập, hoàn cảnh cá nhân đặc biệt của sinh viên hoặc vì lý do bất khả kháng, bạn phải điền vào "Đơn xin miễn các khóa học thực tập". Sau khi được Ủy ban tư vấn thực tập của Khoa xem xét và phê duyệt, sinh viên có thể chọn tham gia các khóa học khác trong khuôn viên trường để thay thế.

- 十四、 本辦法經系務會議通過後實施，修訂時亦同。若有未盡事宜，依本系日後發送各項通知為主。

Các quy định này được thực hiện sau khi được Hội nghị Khoa phê duyệt và áp dụng tương tự khi sửa đổi. Nếu có bất kỳ vấn đề nào chưa đề cập đến, sau này Khoa sẽ gửi các thông báo khác.

☐ 本人已閱讀、瞭解並且同意以上規定：

Tôi đã đọc kỹ và đồng ý tuân thủ tất cả các thông tin quy định ở trên.

學生簽名 _____ 學號 _____
SV ký tên _____ Mã SV _____

簽名日期 / Ngày ký _____

本須知一式二份，時尚系及學生分別留存。

Văn bản được lập thành 2 bản, sinh viên và Khoa Thiết kế Tạo hình Thời trang mỗi bên giữ một bản.